

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K7, TẠI HUYỆN EA KAR, KHÓA HỌC 2023 - 2025**

Nộp bài viết bài thu hoạch

Thời gian đi NCTT từ ngày 03/6/2024 đến ngày 06/6/2024 tại Thành phố Đà Nẵng

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số cuốn	Ký nộp bài	Điểm số	Điểm chữ
1	Lê Đăng Nguyệt Ánh	27/01/1983	01		77,5	Tay, bảy năm
2	Hồ Thị Thu Ba	23/01/1990	01		75	Tay, năm
3	Nguyễn Thị Bích	27/7/1977	01		77,5	Tay, bảy năm
4	Kpa Bính	13/11/1986	01		80	Tay
5	Đặng Văn Bình	30/12/1987	01		80	Tay
6	Lê Văn Bình	09/10/1986	01		85	Tay, năm
7	Phạm Thanh Bình	15/10/1982	01		92,5	Chín, hai năm
8	Nguyễn Thị Châu	21/11/1985	01		85	Tay, năm
9	Vũ Kim Chinh	20/10/1986	01		75	Tay, năm
10	Ngô Phi Chuân	08/01/1980	01		85	Tay, năm
11	Ngô Việt Dũng	16/9/1986	01		90	Chín
12	Nông Thanh Dũng	18/11/1984	01		85	Tay, năm
13	Dương Thanh Hà	20/4/1981	01		75	Tay, năm
14	Cao Thị Thúy Hằng	02/02/1984	01		80	Tay
15	Nguyễn Thị Hạnh	20/6/1990	01		80	Tay
16	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	04/10/1988	01		75	Tay, năm
17	Nguyễn Thị Phương Hậu	12/12/1988	01		77,5	Tay, bảy năm
18	Phạm Viết Hậu	01/9/1980	01		92,5	Chín, hai năm
19	Nguyễn Thị Minh Hiền	13/9/1983	01		80	Tay
20	Hồ Phương Hiếu	05/11/1985	01		92,5	Chín, hai năm
21	Lại Thị Thanh Hòa	29/7/1982	01 1		92,5	Chín, hai năm

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số cuốn	Ký nộp bài	Điểm số	Điểm chữ
22	Nguyễn Thị Hòa	10/6/1982	01		8,5	Tạm, 2 năm
23	Nguyễn Trung Hòa	10/3/1977	01		8,0	Tạm
24	Trần Đình Hoàn	10/4/1981	01		8,0	Tạm
25	Liêu Thị Huê	15/11/1988	01		8,0	Tạm
26	Diệp Thị Huệ	25/3/1986	01		8,25	Tạm, hai năm
27	Mai Đức Hùng	16/6/1981	01		9,25	Chín, hai năm
28	Bạch Đình Hưng	01/9/1989	01		8,0	Tạm
29	Dương Văn Hưng	11/8/1980	01		7,75	Kảy, bảy năm
30	Nguyễn Thị Thu Hương	17/02/1991	01		8,25	Tạm, hai năm
31	Nông Thị Hương	02/10/1988	01		8,0	Tạm
32	Đỗ Thị Thu Hường	26/10/1990	01		8,5	Tạm, 1 năm
33	Vũ Bảo Khoa	22/5/1984	01		8,5	Tạm, 1 năm
34	Trần Duy Khương	15/8/1988	01		8,5	Tạm, 1 năm
35	Trần Trung Kiên	23/7/1983	01		8,0	Tạm
36	Hiệp Thị Kiều	31/3/1978	01		8,5	Tạm, 1 năm
37	Nguyễn Thị Kiều	02/02/1989	01		8,75	Tạm, bảy năm
38	Phan Thị Thúy Kiều	06/9/1981	01		7,75	Kảy, bảy năm
39	Trần Thị Liên	02/11/1983	01		8,25	Tạm, hai năm
40	Nguyễn Thị Thùy Linh	06/6/1983	01		8,0	Tạm
41	Nông Văn Linh	11/3/1986	01		7,75	Kảy, bảy năm
42	Tổng Trần Long	20/8/1976	01		9,0	Chín
43	Vũ Thị Luyên	02/12/1986	01		8,0	Tạm
44	Nguyễn Thị Hải Lý	31/5/1990	01		8,0	Tạm
45	Nguyễn Thị Hồng Mận	21/7/1987	01		8,0	Tạm
46	Nguyễn Tuấn Mạnh	06/12/1984	01		9,25	Chín, hai năm
47	Lê Vũ Minh	10/7/1982	01 ₂		8,5	Tạm, 1 năm

Sbd	Họ và tên		Năm sinh	Số cuốn	Ký nộp bài	Điểm số	Điểm chữ
48	Y Nguyên	Miô	05/6/1973	01		85	Tạm, năm
49	Phan Thị Diễm	My	18/8/1991	01		75	Tạm, năm
50	Trần Thị	Mỹ	20/12/1980	01		95	Chín, năm
51	Nguyễn Thúy	Nga	23/7/1990	01		85	Tạm, năm
52	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	30/4/1991	01		9,25	Chín, hai năm
53	Phạm Tuấn	Nhiên	04/3/1985	01		80	Tạm
54	Đậu Thị Quỳnh	Như	10/10/1982	01		80	Tạm
55	Nhan Thị Bích Loan	Niê	20/4/1988	01		80	Tạm
56	Nguyễn Thị	Oanh	04/8/1989	01		90	Chín
57	Hoàng Minh	Phúc	25/5/1986	01		8,25	Tạm, hai năm
58	Hồ Thị	Phượng	15/10/1983	01		85	Tạm, năm
59	Trần Đình	Quý	10/11/1984	01		80	Tạm
60	Nguyễn Như	Quỳnh	27/10/1985	01		90	Chín
61	Nguyễn Trúc	Sinh	01/01/1987	01		75	Tạm, năm
62	Võ Thành	Son	17/01/1986	01		7,75	Tạm, bảy năm
63	Bùi Thị	Sương	05/4/1984	01		90	Chín
64	Nguyễn Thị Diệp	Sương	12/10/1987	01		80	Tạm
65	Nguyễn Thanh	Tâm	01/12/1988	01		9,25	Chín, hai năm
66	Nguyễn Thị	Thảo	24/6/1990	01		80	Tạm
67	Phan Thị	Thảo	09/01/1990	01		75	Tạm, năm
68	Huỳnh Đức	Thọ	03/3/1981	01		90	Chín
69	Ngô Văn	Thuận	18/3/1980	01		80	Tạm
70	Mai Thị Diệu	Thúy	20/6/1983	01		7,75	Tạm, bảy năm
71	Nguyễn Đức	Toàn	06/02/1978	01		7,25	Tạm, hai năm
72	Phạm Xuân	Toàn	04/01/1988	01		75	Tạm, năm
73	Vũ Đức	Toàn	10/4/1983	01 ₃		8,38	Tạm, ba tam

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số cuốn	Ký nộp bài	Điểm số	Điểm chữ
74	Đỗ Mạnh Toàn	07/12/1985	01	<i>Trần</i>	75	<i>75, năm</i>
75	Bùi Thị Tuyết Trang	29/7/1990	01	<i>Trang</i>	85	<i>85, năm</i>
76	Hà Văn Trường	10/5/1978	01	<i>Trường</i>	80	<i>80, năm</i>
77	Nguyễn Xuân Trường	28/02/1984	01	<i>Trường</i>	80	<i>80, năm</i>
78	Triệu Văn Truyền	03/9/1988	01	<i>Truyền</i>	85	<i>85, năm</i>
79	Trương Quang Tuấn	03/7/1976	01	<i>Tuấn</i>	80	<i>80, năm</i>
80	Hồ Xuân Vũ	30/8/1987	01	<i>Vũ</i>	75	<i>75, năm</i>

Tổng số: 80 học viên.

Số học viên đủ điều kiện: 80 học viên

Số học viên không đủ điều kiện: 0 học viên

Số học viên vắng có lý do: 0 học viên; không có lý do: 0 học viên

Tổng số: 80 bài

Ngày...14...tháng...8...năm 2024

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Đương
phạm văn Duyệt

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

mh

TS. Lê Duyệt Hà

Ngày...14...tháng...8...năm 2024

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Mai
Đoàn Thị Mai
BAN GIÁM HIỆU
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
Nguyễn Thành Dũng

Nguyễn Thành Dũng